

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN T
TỈNH QUẢNG NAM**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 70/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 30/3/2021.

V/v: “Tranh chấp ly hôn, nuôi con”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T, TỈNH QUẢNG NAM**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đặng Phùng Thành.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Đăng Thám

2. Ông Lưu Văn Thảo

- Thư ký phiên tòa: Bà Phan Thị Hải Linh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Quảng Nam.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T, tỉnh Quảng Nam tham gia phiên tòa: Bà Bùi Thị Hạnh Quyên – Chức vụ: Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 3 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Quảng Nam xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 260/2020/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 11 năm 2020, về việc: “Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 02/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 05 tháng 01 năm 2021, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Đặng Thị Bích H, sinh năm: 1990

Nơi ĐKNKTT: Tổ 5, thôn A, xã B, huyện T, tỉnh Quảng Nam.

Chỗ ở: Tổ 80, phường A, quận S, thành phố Đ.

- Bị đơn: Anh Nguyễn Văn T, sinh năm: 1985

Trú tại: Tổ 5, thôn A, xã B, huyện T, tỉnh Quảng Nam.

(Chị H có mặt, anh T vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện, bản tự khai cũng như trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Đặng Thị Bích H trình bày:

Chị và anh T tự nguyện tìm hiểu yêu thương nhau và đến với nhau thành vợ chồng, có tổ chức lễ cưới và có đăng kết hôn vào năm 2009, tại UBND xã B, huyện T, tỉnh Quảng Nam. Sau khi kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc tại quê chồng đến năm 2011 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do chồng chị là anh T yêu đương bên ngoài về say rượu và thường xuyên đánh đập chị H nhiều lần. Sau đó chị đưa các con ra tp Đ thuê nhà vợ chồng với nhau đến năm 2016 thì tiếp tục mâu thuẫn. Vì các con chị đã nhiều lần tha thứ cho chồng nhưng anh T vẫn không thay đổi. Hai

bên gia đình cũng đã nhiều lần khuyên bảo nhưng anh T vẫn chứng nào tật ấy. Đến năm 2018 chị đưa 02 con về nhà cha mẹ ruột sống tại tp Đ từ đó cho đến nay. Vợ chồng chúng tôi sống ly thân với nhau đã lâu, không còn quan tâm, chăm sóc nhau. Các con thì đang sống với chị tại nhà cha mẹ của chị H. Nay chị H thấy có tiếp tục, cố gắng mấy đi nữa thì vợ chồng chị cũng không có hạnh phúc với nhau. Chị H thấy tình cảm vợ chồng không còn yêu thương nhau nữa nên chị xin được ly hôn với anh Nguyễn Văn T.

- Về con chung: Chị H khai vợ chồng chị có 02 con chung tên là:

1. Nguyễn Đăng Thùy D, sinh ngày 26/4/2010.

2. Nguyễn Đăng T, sinh ngày 07/11/2011.

Tại phiên tòa, chị H có nguyện vọng nếu ly hôn tôi xin được nuôi các con chung đến tuổi trưởng thành. Chị yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị mỗi cháu mỗi tháng 1.000.000đồng.

- Về tài sản chung: Chị H khai vợ chồng chị không có tài sản chung.

- Nợ chung: Chị H khai vợ chồng chị không có nợ chung.

* Bị đơn anh Nguyễn Văn T trình bày tại bản tự khai và biên bản hòa giải: Anh thống nhất lời khai của chị H về thời gian, điều kiện kết hôn. Về nguyên nhân mâu thuẫn thì vợ chồng nào cũng có mâu thuẫn nhưng mâu thuẫn của vợ chồng anh chưa đến mức trầm trọng. Vợ chồng anh có ly thân với nhau từ năm 2018 và vợ anh có dẫn con về nhà cha mẹ từ đó cho đến nay. Nay vợ anh muốn ly hôn với anh thì anh không đồng ý, anh thấy vợ chồng có mâu thuẫn nhưng chưa đến mức trầm trọng. Thực ra bản thân anh vẫn còn yêu thương vợ con. Đề nghị Tòa án cho vợ chồng anh đoàn tụ làm ăn nuôi con.

- Về con chung: Anh T thống nhất vợ chồng anh với chị H có 02 con chung tên là:

1. Nguyễn Đăng Thùy D, sinh ngày 26/4/2010.

2. Nguyễn Đăng T, sinh ngày 07/11/2011.

Nguyện vọng của anh T nếu ly hôn tôi xin nuôi cháu T và vợ anh nuôi cháu D.

- Về tài sản chung: Anh T khai vợ chồng anh không có tài sản chung.

- Về nợ chung: Anh T thống nhất vợ chồng anh không có nợ chung.

Sau phiên hòa giải lần đầu, Tòa án đã tiếp tục hòa giải cho các bên đoàn tụ nhưng anh T vắng mặt và tại các phiên tòa án anh T vẫn vắng mặt không có lý do. Tòa án đã niêm yết, tổng đạt các văn bản tố tụng hợp lệ cho bị đơn.

* Phát biểu của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

- Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Thư Ký, Hội đồng xét xử, các đương sự trong quá trình giải quyết vụ án, trình tự thu thập chứng cứ là đúng quy định pháp luật.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn chị Đặng Thị Bích H được ly hôn với anh Nguyễn Văn T. Chấp nhận yêu cầu được nuôi con của chị H, giao hai con cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng và buộc anh T cấp dưỡng nuôi các con theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa; Căn cứ lời trình bày của các đương sự, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T, tỉnh Quảng Nam;

[1] Về thủ tục tố tụng: Đây là quan hệ tranh chấp về ly hôn là thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28; Điểm a khoản 1 Điều 35 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Vụ án có bị đơn anh Nguyễn Văn T cư trú tại huyện T, tỉnh Quảng Nam. Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Quảng Nam thụ lý, giải quyết là đúng với quy định tại điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Bị đơn anh Nguyễn Văn T đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng như: Thông báo về việc thụ lý vụ án; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải; Quyết định đưa vụ án ra xét xử; Quyết định hoãn phiên tòa. Các văn bản đã tổng đạt đến nhà của bị đơn, niêm yết tại UBND thị trấn Hà Lam, huyện T nơi bị đơn cư trú. Nhưng bị đơn vẫn cố tình vắng mặt không có lý do tại buổi hòa giải cũng như tại phiên tòa. Do vậy, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án theo qui định tại Điều 227 BLTTDS.

[2] Về nội dung vụ án: Xét thấy quan hệ hôn nhân giữa chị Đặng Thị Bích H và anh Nguyễn Văn T, có đăng ký kết hôn theo giấy chứng nhận kết hôn số 70, quyền số 01/2009 do Ủy ban nhân dân xã B, huyện T, tỉnh Quảng Nam cấp ngày 12/8/2009. Xác định quan hệ hôn nhân của chị Đặng Thị Bích H và anh Nguyễn Văn T là vợ chồng hợp pháp. Sau khi kết hôn, chị H khai vợ chồng sống không hạnh phúc. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh T yêu đương bên ngoài về say rượu và thường xuyên đánh đập chị H nhiều lần. Vì các con chị đã nhiều lần tha thứ cho chồng nhưng anh T vẫn không thay đổi. Hai bên gia đình cũng đã nhiều lần khuyên bảo nhưng anh T vẫn chứng nào tật ấy. Vợ chồng chị mâu thuẫn nhau rất nhiều lần, đến năm 2018 chị đưa 02 con nhà cha mẹ ruột sống tại tp Đ từ đó cho đến nay. Vợ chồng anh chị sống ly thân với nhau đã lâu, không còn quan tâm chăm sóc nhau. Anh T cũng thừa nhận vợ chồng anh chị có mâu thuẫn nhau. Anh T thừa nhận việc vợ chồng anh chị sống ly thân với nhau đã lâu. Trong quá trình giải quyết vụ án, tòa án muốn tiến hành hòa giải cho các bên đoàn tụ chung sống, nhưng chị H vẫn cương quyết ly hôn với anh T. Còn anh T cũng không muốn đoàn tụ nên không Tòa án để làm việc. Hội đồng xét xử thấy các bên đương sự không thật sự mong muốn sống bên nhau, mục đích hôn nhân không đạt được, nếu có kéo dài thì cuộc sống hôn nhân cũng không có, nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu của chị Đặng Thị Bích H xin được ly hôn với anh Nguyễn Văn T.

[3] Về con chung: Trong quá trình chung sống, vợ chồng chị H và anh T thống nhất có 02 con chung tên là: Nguyễn Đặng Thùy D, sinh ngày 26/4/2010 và Nguyễn Đặng T, sinh ngày 07/11/2011.

Nguyên vọng của chị H nếu vợ chồng ly hôn chị xin nhận nuôi hai con chung và yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi hai con chung mỗi tháng mỗi cháu là 1.000.000 đồng.

Anh T có nguyện vọng nuôi cháu T và giao cháu D cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng. Nhưng anh T không thể hiện mong muốn nuôi con nên vắng mặt.

Hội đồng xét xử xét thấy trong quá trình vợ chồng anh chị chung sống và mâu thuẫn nhau dẫn đến việc ly hôn. Vợ chồng anh chị đã sống ly thân với nhau thời gian từ năm 2018 cho đến nay, anh T không quan tâm thăm nom các con. Chị H một mình nuôi các con ăn học và hiện nay các cháu có cuộc sống ổn định cùng với chị H. Nguyên vọng của các con là được sống với chị H. Quyền nuôi con của người mẹ cũng cần phải được quan tâm và ưu tiên. Ngoài ra, anh T khai đi làm công việc lao động phổ thông tại cảng Đ nên anh T khó có điều kiện chăm sóc con tốt hơn. Chị H sống với cha mẹ nên một phần đưa đón các con nhờ đến ông bà ngoại cũng ổn thỏa hơn. Từ đó, Hội đồng xét xử chấp nhận nguyện vọng của chị H và các cháu D – T, giao các cháu cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với tình hình thực tế và nhằm ổn định cuộc sống của các cháu.

[4] Về cấp dưỡng nuôi con: Giữa chị H và anh T không thống nhất mức cấp dưỡng. Chị H yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con mỗi cháu mỗi tháng 1.000.000đồng. Anh T muốn mỗi người nuôi một con và không bên nào cấp dưỡng nuôi con. Theo lời khai anh T khai mỗi ngày lao động khoảng từ 300.000đ – 400.000đ. Xét thấy mức thu nhập của anh T thực tế là cao nhưng không ổn định. Để đảm bảo cho việc cấp dưỡng được thực hiện tốt và anh T còn phải nuôi sống bản thân. Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu cấp dưỡng của chị H về cấp dưỡng nuôi con chung. Buộc anh Nguyễn Văn T phải cấp dưỡng nuôi các cháu Nguyễn Đăng Thùy D, sinh ngày 26/4/2010 và Nguyễn Đăng T, sinh ngày 07/11/2011 cùng chị H mỗi tháng mỗi cháu 1.000.000đ, phương thức cấp dưỡng hàng tháng, thời gian cấp dưỡng kể từ tháng 4 năm 2021 cho đến khi các cháu D và T đủ 18 tuổi, trưởng thành.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền đi lại thăm nom, chăm sóc, giáo dục con. Vì lợi ích của con, khi cần thiết theo yêu cầu của một bên hoặc của hai bên thì Tòa án có thể quyết định cho thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con chung.

[5] Về tài sản chung: Chị H và anh T đều thống nhất không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về nợ chung và cho mượn nợ: Chị H và anh T đều thống nhất không có nợ ai và không cho ai mượn nợ, Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Về án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị Đặng Thị Bích H phải chịu số tiền: 300.000(Ba trăm ngàn) đồng án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/ UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn , giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án, của Ủy ban Thường vụ Quốc hội; Được tính trừ vào số tiền: 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng tạm

ứng án phí mà chị H đã nộp theo biên lai thu số 0005658 ngày 05/11/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T, tỉnh Quảng Nam.

Án phí dân sự về cấp dưỡng nuôi 300.000^d(Ba trăm ngàn đồng) anh T phải nộp.

[8] Các bên đương sự có quyền kháng cáo, thời hạn kháng cáo theo quy định tại các Điều 271; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[9] Xét đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T, tỉnh Quảng Nam là đúng pháp luật, phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28; Điểm a khoản 1 Điều 35; Điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 144; Điều 146; Điều 227; Điều 271; Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ các Điều 2 Điều 56; Điều 57; Điều 58; Điều 81; Điều 82; Điều 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ điểm a khoản 5; Điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn chị Đặng Thị Bích H. Chị Đặng Thị Bích H được ly hôn với anh Nguyễn Văn T.

2. Về con chung, nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con chung: Ghi nhận sự thống nhất của vợ chồng chị H và anh T. Vợ chồng chị H anh T có 02 con chung tên là: Nguyễn Đặng Thùy D, sinh ngày 26/4/2010 và Nguyễn Đặng T, sinh ngày 07/11/2011.

2.1. Giao các cháu Nguyễn Đặng Thùy D, sinh ngày 26/4/2010 và Nguyễn Đặng T, sinh ngày 07/11/2011 cho chị Đặng Thị Bích H trực tiếp nuôi dưỡng.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền đi lại thăm nom chăm sóc giáo dục con. Vì lợi ích của con, khi cần thiết theo yêu cầu của một bên hoặc của hai bên thì Tòa án có thể quyết định cho thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con chung.

2.2. Buộc anh Nguyễn Văn T phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi các con chung là các cháu Nguyễn Đặng Thùy D, sinh ngày 26/4/2010 và Nguyễn Đặng T, sinh ngày 07/11/2011 cùng chị H mỗi cháu mỗi tháng 1.000.000đ(một triệu đồng). Phương thức cấp dưỡng hàng tháng, thời gian cấp dưỡng kể từ tháng 4 năm 2021 cho đến khi các cháu D, T đủ 18 tuổi, trưởng thành.

Kể từ ngày chị H có đơn yêu cầu thi hành án về khoản tiền cấp dưỡng nêu trên, nếu anh T không chịu thi hành thì hàng tháng anh T còn phải chịu trả lãi theo mức lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

3. Về tài sản chung: Chị H và anh T đều thống nhất không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về nợ chung và cho mượn nợ: Chị H và anh T đều thống nhất không có nợ ai và không cho ai mượn nợ, Hội đồng xét xử không xem xét.

5. Về án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị Đặng Thị Bích H phải chịu số tiền: 300.000(Ba trăm ngàn) đồng được tính trừ vào số tiền: 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng tạm ứng án phí mà chị H đã nộp theo biên lai thu số 0005658 ngày 05/11/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T, tỉnh Quảng Nam.

Án phí dân sự về cấp dưỡng nuôi 300.000^d(Ba trăm ngàn đồng) buộc anh T phải nộp.

6. Chị H có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Anh T có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ để xin Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND – VKSND tỉnh Quảng Nam;
- VKSND huyện T;
- Chi cục THA.DS huyện T;
- UBND xã B;
- Các bên đương sự;
- Lưu hồ sơ, lưu án văn;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ
(Đã ký tên, đóng dấu)
Đặng Phùng Thành**